TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2024/QĐST–DS	*Giồng Trôm, ngày 01 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST–DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: "tranh chấp hợp đồng uỷ quyền; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 568 ấp Phú Long, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị P L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp Thới An, xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: 92 ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Phong Quới, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Đỗ Thị Thanh Th**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 410 ấp An Hoà, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Th:

Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 74/2 ấp Phú Mỹ, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Huỷ hợp đồng uỷ quyền ngày 25/3/2022 giữa bên uỷ quyền là ông Trần Văn P, bên được uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.401,7m² tọa lạc tại xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2.2. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/3/2022 giữa bên chuyển nhượng là ông Trần Văn P (uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị T), bên nhận chuyển nhượng là bà Đỗ Thị Thanh T đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.401,7m² tọa lạc tại xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2.3. Ông Trần Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 175.000.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

2.4. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và 246.278.000 (hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 796.278.000 (bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn P đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, diện tích: 1.401,7m² tọa lạc tại xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Văn P, bà Đỗ Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật để ông Trần Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 21, diện tích: 1.401,7m² tọa lạc tại xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2.6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí không có giá ngạch 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu huỷ hợp đồng uỷ quyền và yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Án phí không có giá ngạch của số tiền anh P phải trả cho bà T (175.000.000 đồng) là 4.375.000 (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và án phí của số tiền bà T phải trả cho bà T (796.278.000 đồng) là 17.925.560 (mười bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi) đồng, tổng cộng là 22.600.560 (hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn năm trăm sáu mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Trần Văn P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002744 và

2.625.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002743, cùng ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.925.560 (mười bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005231 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang